CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
		TỔNG CỘNG						***255 640***	***96 634***	***195 424***		
I	**CẢNG CHÍNH**							**73 793**	**27 785**	**46 008**		
	Tàu đã làm hàng (trong cầu)							***24 550***	***24 515***	***35***		
1		KDT MIỀN BẮC	09/3	624/03	19/3	STAR CITY	CÁM 5A.1	17 200	17 200		11/3	PTCB
2		KDT MIỀN BẮC	09/3	624/03	19/3	STAR CITY	CÁM 6B.1	4 800	4 797	3	11/3	PTCB
3		MẶT TRỜI VIỆT NINH BÌNH	10/3	636/03	17/3	BN 1798	BÙN 3B	1 350	1 327	23	11/3	TD
4		DVVT QN	06/3	594/03	13/3	BN 2139	CỤC XÔ 1C	1 200	1 192	8	11/3	TD
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***32 122***	***3 269***	***28 853***		
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	09/3	158/3		VIỆT THUẬN 30-05	CÁM 6A.14	26 300	500	25 800	RÓT DỞ	HỘ LỚN
2		KDT MIỀN BẮC	09/3	628/03	19/3	VIỆT THUẬN 03-02	CÁM 6B.1	3 150	1 284	1 866	RÓT DỞ	PTCB
3		TRƯỜNG ANH 888	11/3	641/03	18/3	BN 2222	BÙN 3B	1 672	1 486	186	RÓT DỞ	TD
4		ĐTTM&DV	10/3	631/03	17/3	BN 2646	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD
	Tàu đã làm lệnh (trong cầu)							***17 121***		***17 121***		
1		ĐẠM NINH BÌNH	11/3	161/3	26/3	NB 8218	CÁM 4A.1	3 100		3 100		HỘ LỚN
2		COALIMEX	10/3	633/03	20/3	QN 8371	CÁM 5A.1	4 994		4 994		PTCB
3		THAN MIỀN NAM	03/3	555/03	10/3	TRUNG HIẾU 68	BÙN 3B	3 000		3 000		TD
4		SÔNG HỒNG	10/3	634/03	17/3	BN 2633	CÁM 4B.1	1 837		1 837		TD
5		THẮNG CƯỜNG	11/3	646/03	18/3	HN 2089	CỤC 4A.1	1 250		1 250		TD
6		KDT BẮC TRUNG BỘ	11/3	647/03	18/3	NB 6488	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD
7		CROMIT	11/3	655/03	18/3	KHÁNH MINH 09	BÙN 3B	1 940		1 940		TD
	Tàu chuyển tải							**80 150**	**6 110**	**74 040**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***27 650***	***6 110***	***21 540***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	07/3	154/3		HẢI NAM 79	CÁM 6A.10	27 650	6 110	21 540	RÓT DỞ	HỘ LỚN
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							***52 500***		***52 500***		
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	02/3	141/3		HẢI NAM 39	CÁM 6A.10	28 700		28 700		HỘ LỚN
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	10/3	159/3		VIỆT THUẬN 26-02	CÁM 5B.14	23 800		23 800		HỘ LỚN
II	**KHO G9-HÓA CHẤT**							**36 971**	**11 587**	**25 384**		
	Tàu đã làm hàng							***11 671***	***11 587***	***84***		
1		KDT HẢI PHÒNG	10/3	640/3	18/3	BN 2638	CÁM 4A.1	1 920	1 911	9	11/3	PTCB
2		XDCN MỎ	10/3	638/3	17/3	BN 0679	DON 8C	1 200	1 195	5	11/3	TD
3		ĐTTM&DV	10/3	637/3	18/3	BN 2936	DON 8C	1 931	1 912	19	11/3	TD

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
4		COALIMEX	11/3	639/3	18/3	VIỆT TRUNG 68	CÁM 8A	1 000	989	11	11/3	TD
5		TRƯỜNG ANH 888	11/3	642/3	18/3	BN 1829	CÁM 8A	1 600	1 598	2	11/3	TD
6		VTA	11/3	643/3	18/3	QN 9379	CÁM 8A	1 920	1 905	15	11/3	TD
7		TNK MV SASEBO GLORY	08/3	1 136		CỬA ÔNG 14	TNK MOZAMBIQUE	2 100	2 078	22	11/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***2 000***		***2 000***		
1		SÔNG HỒNG	09/3	625/03	16/3	BN 2112	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
2		V TRACO	11/3	561/03	18/3	BN 0718	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
	Tàu đã làm lệnh							***23 300***		***23 300***		
1		KDT MIỀN BẮC	11/3	643/3	21/3	NB 8077	CÁM 4A.1	2 200		2 200		PTCB
2		ĐTTM&DV	07/3	602/3	14/3	AN THÀNH 68	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
3		ĐTTM&DV	07/3	602/3	14/3	AN THÀNH 68	CÁM 8A	920		920		TD
4		THAN MIỀN NAM	07/3	608/3	14/3	HÙNG MẠNH 68	CỤC 1A	1 100		1 100		TD
5		THAN MIỀN NAM	07/3	608/3	14/3	HÙNG MẠNH 68	CÁM 8A	1 230		1 230		TD
6		COALIMEX	06/3	586/03	13/3	BN 1079	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
7		HÀNG HẢI VN	09/3	524/03	16/3	BN 1879	CỤC 1B	1 060		1 060		TD
8		VTT	09/3	627/03	16/3	BN 0758	CỤC 1B	1 050		1 050		TD
9		CẦU ĐUỐNG	09/3	629/03	16/3	BN 2228	CỤC 1A	1 000		1 000		TD
10		VTT	10/3	507/03	18/3	NB 8127	CỤC 1B	1 020		1 020		TD
11		THAN MIỀN NAM	11/3	648/3	18/3	TRẦN GIA 09	CỤC 1B	970		970		TD
12		THAN MIỀN NAM	11/3	648/3	18/3	TRẦN GIA 09	CÁM 8A	770		770		TD
13		SXTM THAN UÔNG BÍ	11/3	653/3	18/3	BN 1883	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
14		ĐTTM&DV	11/3	652/3	18/3	BN 0869	CỤC 1A	1 100		1 100		TD
15		KDT BẮC TRUNG BỘ	11/3	654/3	18/3	NB 2952	CỤC 1B	1 000		1 000		TD
16		VTT	11/3	651/3	18/3	HP 5818	CÁM 8A	3 000		3 000		TD
17		TNK MV SASEBO GLORY	09/3	1 149		CẨM PHẢ 22	TNK MOZAMBIQUE	3 880		3 880		
III	**KHO BẢO NGUYÊN**							**4 912**	-	**4 912**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày											
	Tàu đã làm lệnh							***4 912***		***4 912***		
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	11/3	160/3	26/3	HN 2269	CÁM 5B.14	4 912		4 912		HỘ LỚN
IV	**KHO CẢNG KM6**							**13 582**	**4 452**	**9 130**		
	Tàu đã làm hàng							***2 892***	***2 883***	***9***		

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 11 THÁNG 3 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rót	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng
1		KDT MIỀN BẮC	11/3	645	21/3	HD 5935	CÁM 6B.1	2 892	2 883	9	11/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***6 060***	***1 570***	***4 490***		
1		NHÔM ĐẮK NÔNG	11/3	656	21/3	HOÀNG GIA 56	CÁM 5A.1	1 670		1 670		BAUXIT
2		NHÔM ĐẮK NÔNG	11/3	656	21/3	HOÀNG GIA 56	CỤC 4A.2	1 360		1 360		BAUXIT
3		THAN MIỀN NAM	10/3	499	17/3	TRƯỜNG XUÂN 36	CỤC 1B	1 530	799	731	RÓT DỞ	TD
4		THAN MIỀN NAM	10/3	499	17/3	TRƯỜNG XUÂN 36	DON 6B	1 500	771	729	RÓT DỞ	TD
	Tàu đã làm lệnh							***4 630***		***4 630***		
1		KDT MIỀN BẮC	09/3	626	19/3	NB 8295	CÁM 5A.1	2 600		2 600		PTCB
2		VTT	08/3	619	15/3	QN 9019	DON 8A	2 030		2 030		TD
V	**TÀU XUẤT KHẨU**							**32 650**	**19 850**	**12 800**		
	Tàu đã làm hàng											
1		NHẬT BẢN	03/3	18/3/XK		MV JIANGHAIDA	CỤC 5A.1	2 000	2 000		11/3	
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***25 000***	***19 850***	***5 150***		
1		SINGAPORE	03/3	19/3/XK		MV HUA ZHENG HAI YANG	CỤC 5B.2	25 000	19 850	5 150	RÓT DỞ	
	Tàu đã làm lệnh							***7 650***		***7 650***		
1		THÁI LAN	26/02	17/02/XK		MV SUNSHINE	CỤC 4B.3	6 000		6 000		
2		INDONESIA	10/3	21/3/XK		MV NAM SON 16	CÁM 2A.1	1 650		1 650		
VI	**TÀU NHẬP KHẨU**			***ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH***				**50 000**	**26 850**	**23 150**		
	Tàu đã làm hàng											
	Tàu dự kiến rót trong ngày							***35 000***	***26 850***	***8 150***		
1		MOZAMBIQUE		TMB		MV SASEBO GLORY		20 000	12 350	7 650	BỐC DỞ	
2		ÚC		TMB		MV YUE DIAN 103		15 000	14 500	500	BỐC DỞ	
	Tàu đã làm lệnh							***15 000***		***15 000***		
1		ÚC		CLM		W-STAR		10 000		10 000		
2		LÀO		CLM		VIỆT THUẬN 26-02		5 000		5 000		